

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2021/LĐ-PT

Ngày: 06/7/2021

V/v tranh chấp về bồi thường do
nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm
y tế, bảo hiểm xã hội, tiền không
báo trước, tiền tổn thất tinh thần,
danh dự và các chi phí khác

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú và ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp về bồi thường do nghỉ việc, tiền lương, tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tiền không báo trước, tiền tổn thất tinh thần, danh dự và các chi phí khác*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y T Byă, sinh năm 1968; Địa chỉ: Buôn N, xã H, huyện B, tỉnh Đăk Lăk; *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Y T: Ông Phạm Công H, sinh năm 1986; Địa chỉ: 79 đường J, phường L, TP. B, tỉnh Đăk Lăk (theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2020); *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đăk Lăk. Địa chỉ: Trung tâm huyện B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Tr, chức vụ: Trưởng Phòng Nội vụ huyện B, tỉnh Đăk Lăk; *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B, chức vụ: Cán bộ tư pháp xã H, huyện B. Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; *Có mặt.*

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Y T Byă.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Y T Byă và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Công H trình bày:

Ông Y T Byă vào làm việc tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1989 với các vị trí cán bộ thống kê - kế hoạch, Phó Bí thư Đoàn xã, kế toán. Đến ngày 20/10/2002 UBND xã H, huyện B ban hành Quyết định số 26/QĐ-UB bổ nhiệm ông Y T Byă làm cán bộ giao thông thủy lợi xã H, huyện B. Ngày 18/6/2004, UBND xã H, huyện B ban hành Quyết định số 30/QĐ-UB về việc bổ nhiệm Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã H. Theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của UBND huyện B về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã, theo đó chuyển đổi vị trí làm việc của ông Y T Byă từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch sang làm công chức Văn phòng - thống kê của UBND xã H. Trong quá trình công tác từ năm 1989 cho đến nay ông đã trải qua nhiều vị trí công tác ở xã, ông đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và không bị kỷ luật với bất kỳ hình thức nào. Đến tháng 4/2017, theo yêu cầu của UBND huyện B ông Y T Byă phải tham gia kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã do UBND huyện B tổ chức. Do không trúng tuyển nên UBND huyện B không bố trí sắp xếp công việc cũng không trả lương, các khoản bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế kể từ tháng 11/2017 đến tháng 7/2019 là 21 tháng. Ông khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết, nay ông Y T Byă khởi kiện yêu cầu UBND huyện B trả tiền lương và các khoản khác với tổng số tiền là 223.656.963 đồng, cụ thể gồm: Tiền lương thực tế: 21 tháng x 5.617.407 đồng/ tháng = 117.965.547 đồng. Tiền đóng bảo hiểm xã hội: 21 tháng x 871.947 đồng/ tháng = 18.310.887 đồng. Tiền bảo hiểm y tế: 21 tháng x 153.878 đồng/tháng = 3.231.438 đồng. Tiền bồi thường cho nghỉ việc trái quy định: 02 tháng x 5.942.250 đồng = 11.884.500 đồng. Tiền bồi thường không báo trước: 45 ngày x 270.102 đồng = 12.154.590 đồng. Tiền bồi thường tinh thần: 646 ngày x 67.727 đồng/ngày = 43.210.000 đồng. Tiền bồi thường danh dự: 10 tháng x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng. Tiền chi phí photo, gửi đơn, đi lại là 10.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:

Ông Y T Byă tự khai từ năm 1989 đến tháng 4/1993 công tác tại xã H, huyện S (nay thuộc huyện B), tỉnh Đắk Lắk, từng đảm nhiệm các nhiệm vụ Thống kê - kế hoạch, Phó Bí thư đoàn xã nhưng ông Y T không cung cấp các văn bản liên quan thể hiện thời gian công tác này.

Từ tháng 5/1993 đến tháng 6/1995, ông Y T được cử đi học lớp Trung cấp Quản lý nhà nước tại trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk (theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 01/5/1993 của UBND huyện S).

Từ năm 1995 đến năm 1998, ông Y T Byă tự khai làm kế toán xã H nhưng cũng không cung cấp các văn bản liên quan thể hiện thời gian công tác này.

Từ năm 1999 đến tháng 9/2002, ông Y T Byă cư trú thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk chờ bố trí việc làm.

Từ tháng 10/2002 đến tháng 3/2005, ông Y T Byă được bổ nhiệm làm cán bộ Giao thông - Thủy lợi xã H (theo Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 20/10/2002 của UBND xã H). Trong thời gian này ông Y T Byă được cử đi học lớp Trung học chính trị dân tộc ngắn hạn - K7 tại trường Chính trị tỉnh Đắk Lắk (theo Quyết định số 566-QĐ/TV ngày 27/12/2002 của Huyện ủy B).

Từ ngày 20/6/2004, ông Y T Byă được bổ nhiệm làm cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã H (theo Quyết định số 30-QĐ/UB ngày 18/6/2004 của UBND xã H). Đến ngày 31/3/2005, UBND huyện B tạm tuyển ông Y T Byă để đảm nhiệm chức danh Tư pháp - Hộ tịch xã H, đồng thời giao cho Chủ tịch UBND xã H ký hợp đồng lao động đến hết ngày 31/12/2006 (theo Quyết định số 479/QĐ-UB ngày 31/3/2005 của UBND huyện).

Đến tháng 01/2012, để phù hợp trình độ chuyên môn được đào tạo với vị trí việc làm và được hưởng lương Trung cấp hành chính, UBND huyện B đã chuyển đổi vị trí công tác đối với ông Y T Byă từ chức danh Tư pháp - Hộ tịch sang chức danh Văn phòng - Thống kê; được xếp lương vào ngạch 01.004, bậc 1/12, hệ số 1,86 kể từ ngày 06/01/2012. Sau đó, ông Y T Byă được nâng lương 03 lần vào các năm 2014, 2016 và 2019.

Ngày 01/4/2017, ông Y T Byă tham gia kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã do UBND huyện B tổ chức và không trúng tuyển tại kỳ thi này.

Như vậy, thông qua Công văn 837/UBND-NV ngày 03/11/2017, UBND huyện đã yêu cầu các Chủ tịch UBND xã chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp công chức tạm tuyển và hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại các xã (trong đó có ông Y T Byă).

Ngày 26/3/2019, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 2329/UBND-TH về việc triển khai thực hiện Công văn số 5017/BNV-CQĐP ngày 09/10/2018 của Bộ Nội vụ về việc tuyển dụng công chức cấp xã.

Ngày 11/4/2019, UBND huyện B ban hành Công văn số 268/UBND-NV về việc triển khai thực hiện Công văn số 2329/UBND-TH ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh, đề nghị các trường hợp đủ điều kiện theo Công văn số 2329/UBND-TH ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ để thực hiện xét hồ sơ tuyển dụng.

Ngày 15/5/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1278/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng Xét hồ sơ công nhận công chức cấp xã. Hội đồng Xét hồ sơ công nhận công chức cấp xã đã tổ chức xét hồ sơ của một số trường hợp, trong đó có ông Y T Byă. Do ông Y T Byă không có bằng tốt nghiệp THPT nên

UBND huyện đã ban hành Công văn số 531/UBND-NV ngày 02/7/2019 đề báo cáo và xin ý kiến của UBND tỉnh về việc xét công nhận công chức cấp xã đối với ông Y T Byă và một số trường hợp khác.

Ngày 18/7/2019, UBND tỉnh đã trả lời bằng việc ban hành Công văn số 5819/UBND-TH về việc xét hồ sơ công nhận công chức cấp xã thuộc huyện B.

Thực hiện Công văn số 5819/UBND-TH, ngày 18/7/2019 của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2195/QĐ-UBND, ngày 08/8/2019 về việc tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức cấp xã đối với ông Y T Byă.

Như vậy, việc ông Y T Byă được tuyển dụng vào làm công chức xã theo phương thức xét tuyển được thực hiện theo ý kiến chỉ đạo và thẩm quyền của UBND tỉnh tại các văn bản cá biệt (Công văn số 2329/UBND-TH, ngày 26/3/2019 và Công văn số 5819/UBND-TH, ngày 08/8/2019).

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y T đòi bồi thường thiệt hại: Do ông Y T Byă không phải là công chức nên không có căn cứ để bồi thường thiệt hại như yêu cầu của ông Y T Byă.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:

Ông Y T Byă công tác tại UBND xã H, hồ sơ về quá trình công tác trước đây thì UBND xã H không còn lưu trữ. Căn cứ vào các văn bản do nguyên đơn cung cấp thì có Quyết định số 26/QĐ-UB về việc bổ nhiệm cán bộ giao thông, thủy lợi xã H; Quyết định số 30/QĐ-UB về việc bổ nhiệm cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã H là do UBND xã H ban hành, ông Y T Byă căn cứ vào các văn bản này cùng với các văn bản của UBND huyện B (trước đây là huyện S) để làm việc tại xã là phù hợp với các văn bản quy định (Cụ thể là Nghị định 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 sửa đổi bổ sung Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Thông tư số 99/1998/TTLT-TCCP-BTC-BLĐTBXH ngày 19/5/1998 của Ban tổ chức Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành Nghị định số 09/1998/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn; Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn).

Trong khoảng thời gian từ 01/11/2002 đến hết tháng 10/2017 thì ông Y T Byă là cán bộ chuyên môn của xã giữ các vị trí Cán bộ giao thông thủy lợi, Cán bộ Tư pháp-Hộ tịch, Công chức Văn phòng-Thống kê. Hằng năm ông Y T đều hoàn thành nhiệm vụ và được hưởng các chế độ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Từ tháng 11/2017, sau khi UBND huyện tổ chức thi tuyển công chức cấp xã ông Y T có đăng ký thi tuyển và kết quả không trúng tuyển. Từ tháng 11/2017 đến tháng 8/2019, UBND xã đã bố trí ông Y T Byă chuyển sang làm cán bộ không chuyên trách tại Đài truyền thanh xã. Ông Y T không đồng ý với việc này đã làm đơn gửi UBND huyện B để được xem xét giải quyết. Từ ngày 09/8/2019 đến nay, UBND xã H tiếp tục sử dụng ông Y T Byă làm việc tại vị trí công chức Văn phòng

- Thống kê theo quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện B. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 32, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 37, Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Y T Byă về yêu cầu bồi thường tiền lương, phụ cấp; Tiền bảo hiểm xã hội; Tiền bảo hiểm y tế; Tiền vi phạm thời gian báo trước khi nghỉ việc; Tiền bồi thường cho nghỉ việc trái quy định; Tiền bồi danh dự, Tiền bồi thường tinh thần, Tiền chi phí viết đơn, sao chụp tài liệu, đi lại, phô tô giấy tờ.

Ngày 01/4/2021, nguyên đơn ông Y T Byă làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Y T Byă - Sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian nghỉ việc. Không chấp nhận bồi thường vi phạm thời gian báo trước khi nghỉ việc, tiền bồi thường cho nghỉ việc trái quy định, tiền bồi thường danh dự, tiền bồi thường tinh thần, tiền chi phí viết đơn, sao chụp tài liệu, tiền đi lại, phô tô giấy tờ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2-1] Xét về thời gian lao động và công tác của ông Y T Byă tại UBND xã H, huyện S (nay thuộc huyện B) tỉnh Đắk Lắk là từ năm 2002, cho đến nay ông

đã trải qua nhiều công việc sau: Ngày 20/10/2002, ông Y T Byă được UBND xã H, huyện B bổ nhiệm làm cán bộ giao thông thủy lợi xã H theo Quyết định số 26/QĐ-UB. Từ ngày 20/6/2004, ông Y T Byă được bổ nhiệm làm cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã H theo Quyết định số 30-QĐ/UB ngày 18/6/2004 của UBND xã H. Đến tháng 01/2012, để phù hợp trình độ chuyên môn được đào tạo với vị trí việc làm và được hưởng lương Trung cấp hành chính, UBND huyện B đã chuyển đổi vị trí công tác đối với ông Y T Byă từ chức danh Tư pháp - Hộ tịch sang chức danh Văn phòng - Thống kê theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03/01/2012, cho đến tháng 10/2017. Theo quy định Điều 23 Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 2-L/CTN ngày 26/02/1998 về cán bộ, công chức; điểm h khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh số: 11/2003/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2003 bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ công chức; khoản 2 Điều 13 Nghị định số: 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ công chức xã, phường, thị trấn; các điều 7, 9, 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động. Căn cứ vào thực tế quá trình công tác của ông Y T Byă, đối chiếu với các quy định của pháp luật nhận thấy ông Y T Byă đương nhiên là cán bộ công chức từ thời điểm tuyển dụng và đương nhiên không phải thi tuyển công chức. Để khắc phục sai sót trên, tháng 8/2019 UBND huyện B, ban hành “*Quyết định số 2195/QĐ-UBND, ngày 08/8/2019 về việc tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức cấp xã đối với ông Y T Byă*”. Việc bị đơn UBND huyện B cũng như người có quyền, nghĩa vụ liên quan UBND xã H cho rằng trường hợp của ông Y T Byă khi tham gia kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã vào ngày 01/4/2017 không trúng tuyển là không có cơ sở. Mặt khác từ kỳ thi tuyển năm 2017 mà ông Y T tham gia đến khi ông Y T được tuyển dụng công chức vào năm 2019 thì phía ông Y T không có bất kỳ bổ sung nào về bằng cấp chuyên môn, về quy định pháp luật cũng không có sự thay đổi đều thực hiện theo Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn. Như vậy, bị đơn UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk không trả lương, không đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế từ tháng 11/2017 đến tháng 7/2019 (21 tháng) cho ông Y T Byă, là không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi chính đáng của ông Y T được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào mức lương hiện nay ông Y T Byă đang công tác để xác định tổng số tiền mà UBND huyện B phải chi trả cho ông Y T Byă cụ thể các khoản tiền sau: Tiền lương 21 tháng x 5.617.407 đồng/01 tháng = 117.965.547 đồng. Tiền đóng bảo hiểm xã hội: 21 tháng x 871.947 đồng/01 tháng = 18.310.887 đồng. Tiền bảo hiểm y tế: 21 tháng x 153.878 đồng/01tháng = 3.231.438 đồng. Tổng số tiền là 139.507.872 đồng, cần chấp nhận. Đối với các khoản khác mà ông Y T Byă yêu cầu bao gồm: bồi thường tiền cho nghỉ việc trái quy định, bồi thường tiền không báo trước, bồi thường tiền tổn thất tinh thần, bồi thường tiền danh dự, tiền chi phí photo, gửi đơn, đi lại với tổng số tiền là 84.149.091 đồng. Xét yêu cầu trên của ông Y T Byă không thực tế, không phù hợp với quy định pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2-2] Từ những nhận định trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Y T Byă. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 nguyên đơn ông Y T Byă được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên bị đơn UBND huyện B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là $3\% \times 139.507.872 \text{ đồng} = 4.185.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Y T Byă. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012; Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 2-L/CTN ngày 26/02/1998; Pháp lệnh số: 11/2003/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2003 bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ công chức; Nghị định số: 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y T Byă. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chi trả cho ông Y T Byă tổng số tiền **139.507.872 đồng** (*Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng*), gồm: Tiền lương thực tế 117.965.547 đồng; tiền đóng bảo hiểm xã hội 18.310.887 đồng; tiền bảo hiểm y tế 3.231.438 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y T Byă về yêu cầu bồi thường tiền cho nghỉ việc trái quy định, bồi thường không báo trước, bồi thường tinh thần, bồi thường danh dự, chi phí photo, gửi đơn, đi lại. Với tổng số tiền là 84.149.091 đồng

2. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 nguyên đơn ông Y T Byă được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm. Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 4.185.000 đồng (*Bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bản án lao động phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Bằng